

TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC
CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Số: 144 /QĐ-CTCP397

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mạo Khê, ngày 16 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên
năm 2026 (GT10) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ
sửa chữa thường xuyên năm 2026

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ Quyết định số 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hoá, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-CTCP397 ngày 01/11/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024;

Căn cứ Quyết định số 111/QĐ-CTCP397 ngày 13/01/2026 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 “Về việc phê duyệt kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026”;

Căn cứ Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026 (GT10) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026 do phòng Cơ điện vận tải lập ngày 14/01/2026;

Căn cứ Tờ trình ngày 14/01/2026 của Phòng CĐVT về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026 (GT10) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 15/01/2026 của Tổ thẩm định dự toán và KHLCNT về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026 (GT10) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026.

Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cơ điện vận tải Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026 (GT10) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026, với nội dung cụ thể như sau:

1. Dự toán:

- Tên hạng mục công việc: Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026.

- Tên đơn vị chủ quản: Công ty cổ phần 397; Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh.

- Giá trị dự toán: **9.056.842.796 đồng.**

Bằng chữ: (Chín tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm chín sáu đồng). Đã bao gồm thuế VAT.

- Đơn vị lập dự toán: Phòng Cơ điện Vận tải.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công cổ phần 397.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026 (GT10).

- Giá trị gói thầu: **9.056.842.796 đồng.**

Bằng chữ: (Chín tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm chín sáu đồng). Đã bao gồm thuế VAT.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công cổ phần 397.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 30 ngày.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 01 năm 2026.


- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 323 ngày

- Tùy chọn mua thêm: Không.

- Giám sát đấu thầu: Không.

Điều 2. Giao Tổ chuyên gia, tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- PGĐ Huyền (c/đ);
- Như điều 2 (t/h);
- Lưu: VT, CĐVT. K04.

GIÁM ĐỐC



Kiều Văn Sinh

Phụ lục

BẢNG KHỐI LƯỢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định phê duyệt số 144/QĐ-CTCP397 ngày 16/01/2026
của Công ty cổ phần 397)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
01	Ắc giá chữ A Φ55x240	Cái	6	800.000	4.800.000	
02	Ắc Φ70x185	Cái	50	950.000	47.500.000	
03	Ắc giảm sóc trước Φ60x160 569-40-81540	Cái	10	800.000	8.000.000	
04	Ắc Piston lái Φ45 569-40-81530	Cái	20	700.000	14.000.000	
05	Ắc giằng lái Φ40 569-40-81240	Cái	20	650.000	13.000.000	
06	Bạc+ắc nhíp Kamaz 65115-2902478	Bộ	10	220.000	2.200.000	
07	Bạc ắc giằng cầu Φ70 569-40-61160	Cái	45	380.000	17.100.000	
08	Bạc phíp giảm sóc trước 566-50-11173/K566-50-11173	Cái	10	17.900.000	179.000.000	
09	Bạc thép giảm sóc trước 569-50-6A181/K569-50-6A181	Cái	8	12.000.000	96.000.000	
10	Bạc thép giảm sóc trước 569-50-6A181/32F-1021	Cái	4	10.500.000	42.000.000	
11	Bàn ép côn 16102083118	Cái	4	9.500.000	38.000.000	
12	Bầu phanh lốc kê 100.35192/35300618610	Cái	15	1.650.000	24.750.000	
13	Bầu phanh trước 100.351931/35190906070	Cái	10	1.900.000	19.000.000	
14	Bi chữ thập các đăng Φ52x133 53205-2201026-10	Vòng	10	810.000	8.100.000	
15	Bi chữ thập các đăng Φ57x144	Vòng	10	840.000	8.400.000	
16	Bi chữ thập các đăng Φ57x152 587.42	Vòng	8	850.000	6.800.000	
17	Bơm lái 4310-3407200-01	Cái	4	7.900.000	31.600.000	
18	Bơm tay nhiên liệu 323.1106010	Cái	8	1.350.000	10.800.000	
19	Cần phíp giảm sóc trước 566-50-11290/K566-50-11290/04F-8188	Cái	6	3.500.000	21.000.000	
20	Cao su giằng cầu 6520-2919026	Quả	30	750.000	22.500.000	
21	Chụp chắn bụi giằng lái 569-40-61660	Cái	100	350.000	35.000.000	
22	Cụm khớp lai bom ben 6090012022	Cụm	6	10.500.000	63.000.000	
23	Cụm phom xả khí 45104351100790/14K - 26618	Cụm	5	1.500.000	7.500.000	
24	Cuồng van dài 569-30-72130/569-30-71610/14A-33382	Cái	15	1.150.000	17.250.000	
25	Cuồng van ngắn 569-30-71600/H-45	Cái	12	950.000	11.400.000	

26	Đề khởi động 5402.3708000-01	Cái	2	12.890.000	25.780.000	
27	Đèn pha 342.3711/75365669-2007	Cái	6	1.200.000	7.200.000	
28	Giảm sóc ghế lái 421-57-31730/AS198243/388616	Cái	8	9.500.000	76.000.000	
29	Giảm sóc nhíp trước 45104290550500/50.2.2905006/5003230060	Cái	6	1.680.000	10.080.000	
30	Giàn lạnh 8236675	Bộ	8	2.700.000	21.600.000	
31	Gioăng bốt lái 561-40-00200/14K-20228	Bộ	8	930.000	7.440.000	
32	Gioăng moay σ sau Φ4x175/100-3519289	Cái	20	50.000	1.000.000	
33	Gioăng moay σ sau Φ6x250/45104310400100	Cái	20	180.000	3.600.000	
34	Gioăng phốt xi lanh lái 707-98-26901/K707-98-26901	Bộ	5	3.000.000	15.000.000	
35	Guốc phanh 6520-3501095/14A-70747	Cái	5	3.800.000	19.000.000	
36	La răng 1100-20	Bộ	3	2.300.000	6.900.000	
37	Măng xéc đơn giảm sóc trước 566-50-6A410/K566-50-6A410	Cái	10	2.200.000	22.000.000	
38	Măng xéc đơn giảm sóc trước 566-50-6A410/K566-50-6A410	Cái	10	2.200.000	22.000.000	
39	Măng xéc kép giảm sóc trước 707-51-16650/K707-51-16650	Cái	10	2.300.000	23.000.000	
40	Măng xéc kép giảm sóc trước 707-51-16650/K707-51-16650	Cái	10	2.100.000	21.000.000	
41	Máy ép hơi 53205-3509015-02/53205-3509015/RL3509BA02	Cụm	2	7.000.000	14.000.000	
42	Máy phát điện 3142.3771010-10/31423771-20	Cái	4	7.700.000	30.800.000	
43	Phốt bốt lái 561-40-00100/14K-64829	Bộ	8	3.000.000	24.000.000	
44	Phốt đầu bơm cao áp 30x42x7 (2410283010)	Cái	10	58.000	580.000	
45	Phốt đuôi bơm cao áp 45x60x8 (14.1701238)	Cái	15	89.000	1.335.000	
46	Phốt moay σ sau 154x175x13	Cái	30	220.000	6.600.000	
47	Phốt moay σ sau 65115-3104017	Cái	40	150.000	6.000.000	
48	Phốt moay σ trước 105x138	Cái	30	110.000	3.300.000	
49	Rơ le nhiệt Kamaz	Cái	5	540.000	2.700.000	
50	Tấm búa phanh sau DFHB15T/20G-1385	Cái	4	3.500.000	14.000.000	
51	Tanh la răng 1100/1200-20 6520-3101027	Cái	30	780.000	23.400.000	
52	Tay giàng cầu hạ HD465 569-52-81110	Cái	6	12.135.000	72.810.000	
53	Tay giàng cầu thượng HD465 569-52-81121	Cái	6	9.500.000	57.000.000	
54	Tổng côn dưới 16080800090/9700514230	Cái	5	2.200.000	11.000.000	

55	Tổng côn trên 5320-1602510-10/16042810010	Cái	5	2.500.000	12.500.000
56	Trục lai bơm ben 1316303036	Cái	5	3.800.000	19.000.000
57	Trục lai các đăng sau 6520-2502201	Cái	5	6.000.000	30.000.000
58	Trục láp dài 6520-2403069	Cái	5	8.900.000	44.500.000
59	Van chia hơi 973011010/RL3518AH	Cái	6	3.900.000	23.400.000
60	Van điện từ 09070617/KEM-10/37540820030	Cái	8	850.000	6.800.000
61	Van hộp số 303.11.0014/6038202043	Cái	3	4.800.000	14.400.000
62	Van nạp giảm sóc 566-50-11301/14K-0264	Cái	10	1.450.000	14.500.000
63	Van tiết lưu máy lạnh VHE-15QTEX-11	Cái	10	698.500	6.985.000
64	Van tiết lưu máy lạnh 447500-9220	Cái	10	1.200.000	12.000.000
65	Vi lét phanh Hyundai HD260 41910824/70050010980	Cái	4	1.100.000	4.400.000
66	Vi nét phanh trước 45104350225890/970011031207/79258	Cái	10	1.550.000	15.500.000
67	Vi nét phanh trước 45104350225990/971011031207/79259	Cái	10	1.550.000	15.500.000
68	Vi nét phanh sau 45104350126090/70050010960/79260	Cái	10	1.550.000	15.500.000
69	Vi nét phanh sau 45104350126190/70050010970/79261	Cái	10	1.550.000	15.500.000
70	Vòng bi 6009-2Z/C3	Vòng	10	450.000	4.500.000
71	Vòng bi đuôi trục cơ 6205-2Z/C3	Vòng	8	420.000	3.360.000
72	Vành răng bánh đà 7406-1005125	Cái	3	4.000.000	12.000.000
73	Van nạp khí bình tích năng 721-89-12011/14K-15266	Cái	15	1.360.000	20.400.000
74	Ống xả 54115-1203012-02/14A-79783	Cái	6	1.800.000	10.800.000
75	Lọc tách nước PL-420/RL6141PL01	Cái	5	256.000	1.280.000
76	Lọc phom xả UT1374/4324102227/RL3511KA06	Cái	5	620.000	3.100.000
77	La răng 1200-20 6520-3101015	Bộ	8	2.600.000	20.800.000
78	Lá côn 1600102013	Cái	6	3.300.000	19.800.000
79	Piston bát hơi cài hộp số 1315 334 034	Cái	5	1.200.000	6.000.000
80	Căn phíp bát hơi cài hộp số 750 112 066	Cái	5	250.000	1.250.000
81	Phốt bát hơi cài hộp số 734 307 294	Cái	5	350.000	1.750.000
82	Ốp chân hộp số 6460-1001124-10	Cái	6	2.400.000	14.400.000
83	Ốp chân hộp số 6460-1001125-10	Cái	6	2.400.000	14.400.000
84	Đồng hồ báo áp suất dầu động cơ 1911.383001	Cái	4	500.000	2.000.000
85	Đệm ty giảm sóc trước 569-50-61413/K569-50-61413/14K-19124	Cái	6	9.500.000	57.000.000

86	Đệm ty giảm sóc trước K569-50-61413/14K-19124	Cái	6	9.200.000	55.200.000	
87	Dàn nóng HBS-PZ3005	Cái	5	2.850.000	14.250.000	
88	Dàn lạnh HBS-P06403	Cái	5	2.600.000	13.000.000	
89	Cây các đăng sau 6520-2201011-10	Cái	8	12.500.000	100.000.000	
90	Cao su mỡ nhíp trước 6520-2902430	Cái	15	450.000	6.750.000	
91	Cao su giằng cầu DONGFENG	Quả	10	550.000	5.500.000	
92	Cao su giảm sóc nhíp trước 53212-2905486	Cái	15	40.500	607.500	
93	Cao su giảm chấn 35x18x45	Cái	50	80.000	4.000.000	
94	Cao su chân máy sau 5320-1001051	Cái	10	650.000	6.500.000	
95	Cao su chân máy trước 53205-1001020	Cái	10	500.000	5.000.000	
96	Bi tê côn 1602104001	Cái	8	4.500.000	36.000.000	
97	Bạc piston lái Φ45	Cái	10	300.000	3.000.000	
98	Bạc giằng lái Φ40	Cái	10	250.000	2.500.000	
99	Bơm nước 740.50-1307010/PY01660	Cái	5	4.200.000	21.000.000	
100	Cụm van chia hơi tổng 475.720.008.0/4757200080	Cụm	3	9.500.000	28.500.000	
101	Giảm sóc nhíp sau 55300-5A200/14A-51188	Cái	6	2.200.000	13.200.000	
102	Dàn nóng HBS-L0929	Cái	10	1.600.000	16.000.000	
103	Bi chữ thập các đăng Kawasaki 90ZIV-2 42060-70450	Cụm	2	2.800.000	5.600.000	
104	Vòng bi hóc a cơ 0750 117 677	Vòng	4	4.400.000	17.600.000	
105	Trục a cơ 1315202 037/1315302162/1315202040	Cái	3	14.500.000	43.500.000	
106	Chổi gạt mưa 13.52050-900	Cái	20	120.000	2.400.000	
107	Cần gạt mưa 271.5205-800	Cái	10	180.000	1.800.000	
108	Cần vi sai cài cầu 6520-2506058/14A-53998	Cái	10	50.000	500.000	
109	Bộ vỏ ốp vi sai cài cầu 6520-2506016/6520-2506010	Bộ	3	9.800.000	29.400.000	
110	Chốt đi số 1324 207 005/14A-23178	Cái	5	3.500.000	17.500.000	
111	Ống cao su kết mát 6520-1303010-01	Cái	5	500.000	2.500.000	
112	Ống cao su kết mát 6520-1303026-01	Cái	5	500.000	2.500.000	
113	Ống cao su 53205-1170245	Cái	5	600.000	3.000.000	
114	Cánh quạt động cơ 740.51-1308012/020002748	Cái	3	3.500.000	10.500.000	
115	Nắp chụp dàn cò 7406.1003264	Cái	5	1.200.000	6.000.000	
116	Cần bi tỷ trực đứng 6520-3001022	Cái	20	350.000	7.000.000	

117	Đĩa phanh 569-27-71310	Cái	2	9.500.000	19.000.000	
118	Đèn xi nhan trước UP1-3712	Cái	20	550.000	11.000.000	
119	Đèn xi nhan sườn 53215-3726001	Cái	20	300.000	6.000.000	
120	Đèn hậu Led	Cái	20	450.000	9.000.000	
121	Đèn lùi inox 24V	Cái	30	115.000	3.450.000	
122	Tăm búa phanh 6520-3501070	Cái	4	3.500.000	14.000.000	
123	Ống gió tăng áp 6212-11-4420/K6212-11-4420	Cái	2	7.000.000	14.000.000	
124	Pin điện tử đi số DH300-5 38553-61040	Cái	2	2.500.000	5.000.000	
125	Đồng hồ báo nhiệt độ dầu máy SD-1750-40	Cái	6	800.000	4.800.000	
126	Tăng áp động cơ 7406-1118010/74031118010/12749880003/11184200050	Cụm	5	9.900.000	49.500.000	
127	Trục quả đào 58375-7C450/58475-7C450	Cái	5	2.800.000	14.000.000	
128	Dàn lạnh CZ08812	Cái	5	2.500.000	12.500.000	
129	Van tiết lưu 38352	Cái	10	698.500	6.985.000	
130	Cao su giằng cầu Φ70	Quả	12	700.000	8.400.000	
131	Bi treo các đặng 49730-75700/60-20	Cái	5	1.800.000	9.000.000	
132	Van nạp giảm sóc 440-2667	Cái	3	2.800.000	8.400.000	
133	Cụm kéo phanh tay 100-3537010;RL3526PA	Cái	5	2.500.000	12.500.000	
134	Van tiết lưu điều hòa 1534QEX	Cái	8	650.000	5.200.000	
135	Van áp lực điều hòa HFC-134a	Cái	8	350.000	2.800.000	
136	Phin lọc ga điều hòa CD-6007	Cái	10	450.000	4.500.000	
137	Trục cơ 740.50-1005020/052561000	Cái	2	55.000.000	110.000.000	
138	Phốt nắp piston nâng hạ ben 289-2937/2892937	Cái	6	800.000	4.800.000	
139	Phốt nắp piston nâng hạ ben 289-2948/2892948	Cái	6	800.000	4.800.000	
140	Gioăng chắn dầu nắp piston nâng hạ ben 12H-3934	Cái	10	150.000	1.500.000	
141	Phốt piston nâng hạ ben 8C-9160	Cái	8	1.200.000	9.600.000	
142	Phốt chắn bụi 225-3281/2253281	Cái	10	500.000	5.000.000	
143	Ống cao su cổ hút gió 53205-1109375	Cái	5	750.000	3.750.000	
144	Phốt đuôi trục cơ 135x150x12/6L375	Cái	8	400.000	3.200.000	
145	Rô tuyn ba ngang 8-97107349-QJ	Cái	10	900.000	9.000.000	
146	Giảm sóc cabin 5320-5001076-10/5320-5001076	Cái	6	750.000	4.500.000	
147	Khớp lai bơm ben 6090306021	Cái	5	3.600.000	18.000.000	

148	Bi chao 7J-3297/7J3297	Cái	6	4.500.000	27.000.000	
149	Bi chao 7J3297	Cái	6	3.900.000	23.400.000	
150	Cụm cầu cân bằng 6520-2918050	Cụm	2	68.500.000	137.000.000	
151	Bi chao GE100ES-2RS	Vòng	4	4.500.000	18.000.000	
152	Tổng phanh chân 8099-3514108-10/1G-7033	Cái	4	7.500.000	30.000.000	
153	Ty ô đường dầu hồi nhiên liệu 7405-1104346-90	Cái	6	650.000	3.900.000	
154	Phốt đuôi trục cơ 7406.1005160	Cái	6	450.000	2.700.000	
155	Dây cu roa 8PK2739	Sợi	12	950.000	11.400.000	
156	Bạc trục đứng 6520-3001016	Cái	8	250.000	2.000.000	
157	Bơm tay (thùng dầu nhiên liệu) 37.1141010/14A-07167	Cái	5	1.350.000	6.750.000	
158	Kết nước 6520-1301010-01/13010010440	Cái	2	21.500.000	43.000.000	
159	Bích các đấng cầu sau 6520-2201023-10/14A-54837	Cái	3	4.200.000	12.600.000	
160	Bánh răng giảm tốc moay ơ sau 6520-2405035/14A-13118	Cái	4	3.500.000	14.000.000	
161	Bạc đầu nhỏ tay biên 740.1004052/14A-88950	Cái	8	585.000	4.680.000	
162	Bạc trục cút lai cam 740.1006026-02/14A-51904	Cái	4	360.000	1.440.000	
163	Bánh răng lai trục cam 740.1006214	Cái	2	2.730.000	5.460.000	
164	Ống dẫn hướng 740.1007032/14A-44535	Cái	5	195.000	975.000	
165	Kết sinh hàn 740.20-1013200-10/740.60-1013200	Cái	2	11.050.000	22.100.000	
166	Bạc cam 740.21-1006037/14A-59632	Cái	16	984.000	15.744.000	
167	Đũa đẩy 740.21-1007176/14A-89104	Cái	8	845.000	6.760.000	
168	Khớp lai bơm cao áp 740.51-1111054-01/14A-00527	Cái	5	1.800.000	9.000.000	
169	Vòi rồng 7405.1004065/7405.1004066/14A-13932	Cái	5	494.000	2.470.000	
170	Bạc baliê P1 7405-1000102-P1/14A-55633	Bộ/ xe	2	2.200.000	4.400.000	
171	Bạc biên P1 7405-1000104-P1/14A-72992	Bộ/ xe	2	2.150.000	4.300.000	
172	Xu páp hút 7406.1007010/14A-58478	Cái	16	555.000	8.880.000	
173	Xu páp xả 7406.1007015/14A-24005	Cái	16	555.000	8.880.000	
174	Cò mổ 7406.1007140/14A-20294	Cái	16	450.000	7.200.000	
175	Bánh răng lồng bộ côn số 6 8P-0523	Cái	1	29.340.000	29.340.000	
176	Bánh răng máy ép hơi 7N-9322	Cái	2	6.732.000	13.464.000	
177	Bộ gioăng chia dầu phanh sau 9V-3225/9V3225	Bộ	3	1.500.000	4.500.000	

178	Ca gioăng lắp bích đuôi trục cơ 4N-0848/M-4N848/4N0848	Cái	4	1.200.000	4.800.000	
179	Ca gioăng lắp bích đuôi trục cơ 4N-0848/M-4N848/4N0848	Cái	4	1.200.000	4.800.000	
180	Cảm biến nhiệt độ biến mô 118-7226/1187226	Cái	4	4.000.000	16.000.000	
181	Cảm biến nhiệt độ khí nạp động cơ 107-8618	Cái	2	5.500.000	11.000.000	
182	Cảm biến nhiệt độ nhiên nước làm mát 102-2240	Cái	2	5.100.000	10.200.000	
183	Cảm biến tốc độ bánh đà 189-5746	Cái	2	4.500.000	9.000.000	
184	Căn 8E-8304/8E8304	Cái	5	259.000	1.295.000	
185	Căn 8E-8308/8E8308	Cái	5	296.000	1.480.000	
186	Căn vi sai 3D-8513/3D8513	Cái	3	8.523.000	25.569.000	
187	Đĩa giảm chấn bầu phanh sau 7D-3013/FM2045/7D3013	Cái	2	9.600.000	19.200.000	
188	Đĩa ma sát bầu phanh 9W7017/FM4863	Cái	2	6.517.000	13.034.000	
189	Gioăng ca xoa moay ơ sau 297-9545/2979545	Cái	4	1.800.000	7.200.000	
190	Gioăng ca xoa moay ơ sau 314-4118/3144118	Cái	4	1.200.000	4.800.000	
191	Gioăng ca xoa moay ơ sau 365-4922/3654922	Bộ	4	37.200.000	148.800.000	
192	Gioăng cao su 100-4083	Bộ	10	180.000	1.800.000	
193	Gioăng cao su 3D-2824/3D2824	Cái	10	47.000	470.000	
194	Gioăng chắn dầu 2M-9780/2M9780	Cái	10	37.000	370.000	
195	Gioăng vành pông 5D-7523/5D7523	Cái	6	518.000	3.108.000	
196	Gioăng làm kín 8F-8733	Cái	6	155.000	930.000	
197	Két làm mát dầu ben, phanh 1414109	Cái	1	82.927.000	82.927.000	
198	Két mát dầu động cơ 7C0145	Cái	1	34.146.000	34.146.000	
199	Két mát đồng sinh hàn động cơ 4W-5056/4W5056	Cái	1	37.561.000	37.561.000	
200	Lá đồng bộ côn số 1+5+6 1P-4110/FM1631	Cái	4	5.500.000	22.000.000	
201	Lá đồng bộ côn số 7 1S-3736/FM2831	Cái	4	6.500.000	26.000.000	
202	Ổ đỡ bu ly cách quạt 2P-1757	Cái	2	3.500.000	7.000.000	
203	Trục bánh răng hành tinh 1 tầng số 5 7S-8631/7S8631	Cái	2	2.300.000	4.600.000	
204	Trục bánh răng hành tinh số (2+3) 2S-4900/2S4900	Cái	2	2.144.000	4.288.000	
205	Trục cơ 6245-31-1100/057479005	Cái	1	380.000.000	380.000.000	
206	Ca xoa trước 9G5319	Bộ	6	13.000.000	78.000.000	
207	Van hạn chế ben 13101-8603010	Cái	2	4.500.000	9.000.000	

208	Ắc trung tâm càn A CAT 773E 339-1123	Cái	4	2.100.000	8.400.000
209	Van chia hơi bầu phanh (4 ngã) 64221-3515310/35150030230/100.3515510-20	Cái	4	1.500.000	6.000.000
210	Đĩa thép rọ số 2 3P-8160/FM2772MP	Cái	2	2.200.000	4.400.000
211	Vành chấu 277-7213/2777213	Cái	1	115.000.000	115.000.000
212	Vỏ hộp vi sai 6G7472	Cái	1	84.500.000	84.500.000
213	Lá thép bộ côn số 3+4 3S-0044/FM2770MP	Cái	4	5.700.000	22.800.000
214	Quang nhíp sau 6520-2912408	Cái	40	580.000	23.200.000
215	Quang nhíp sau M27x90x440 55225-75802	Cái	6	600.000	3.600.000
216	Quang nhíp trước Kamaz 6520 65115-2902408	Cái	6	250.000	1.500.000
217	Quang nhíp trước HUYNDAI HD260 54225-67011	Cái	2	250.000	500.000
218	Quang nhíp trước Dongfeng M18x200x90	Cái	2	250.000	500.000
219	Nhíp giảm sóc cabin 5320-5001080/14A-78926	Bộ	6	700.000	4.200.000
220	Ê cu tắc kê 569-22-72870/07P-7748	Cái	10	250.000	2.500.000
221	Nhíp sau 90x20x1500	Lá	6	1.900.000	11.400.000
222	Nhíp sau 90x20x1200	Lá	5	1.550.000	7.750.000
223	Nhíp sau 90x20x1100	Lá	5	1.350.000	6.750.000
224	Nhíp sau 90x20x1000	Lá	5	1.300.000	6.500.000
225	Nhíp sau 90x20x900	Lá	5	1.200.000	6.000.000
226	Nhíp sau 90x20x800	Lá	5	1.100.000	5.500.000
227	Nhíp sau 90x20x700	Lá	5	850.000	4.250.000
228	Nhíp sau 90x20x600	Lá	5	780.000	3.900.000
229	Nhíp sau 90x20x500	Lá	5	650.000	3.250.000
230	Nhíp sau 90x20x400	Lá	5	600.000	3.000.000
231	Bộ nhíp trước Dongfeng (9 lá)	Bộ	2	12.500.000	25.000.000
232	Bu lông tắc kê 569-22-72850/03P-6640	Cái	10	1.050.000	10.500.000
233	Bu lông tắc kê 569-22-72860/03P-7600	Cái	10	850.000	8.500.000
234	Bu lông tắc kê 6520-3104071	Bộ	100	70.000	7.000.000
235	Gioăng van ngăn kéo 208-5498	Cái	5	520.000	2.600.000
236	Gioăng cao su van thủy lực 7D-9749	Cái	5	18.000	90.000
237	Bi chao giăng cầu, giảm sóc sau GEF70ES 2RS	Cái	30	1.780.000	53.400.000
238	Bi chao giăng lái GEK40XS 2RS	Cái	8	980.000	7.840.000
239	Bi chao giảm sóc trước GE60ES-2RS	Cái	6	1.500.000	9.000.000

240	Cao su chân máy hộp số 569-14-41130	Cái	2	5.366.000	10.732.000
241	Phốt đầu trục biến mô 711-28-49710	Cái	1	976.000	976.000
242	Đĩa phanh trước 105-3207	Cái	1	7.420.000	7.420.000
243	Gioăng phốt piston xi lanh lái 294-9583/2949583/26F-9225	Bộ	3	3.211.000	9.633.000
244	Gioăng mặt xoa moay ơ trước 4M-0660/4M0660	Cái	4	634.000	2.536.000
245	Phom xả hơi 165-5648/RL3511XE01	Cái	1	13.171.000	13.171.000
246	Ống lót vòi phun nhiên liệu 108-0219/M-1080219	Cái	8	4.878.000	39.024.000
247	Bơm ép nhớt nhiên liệu 235-2026	Cái	1	78.000.000	78.000.000
248	Bu lông tắc kê ngoài 4D8695	Cái	10	1.640.000	16.400.000
249	Ê cu tắc kê trong ngoài 5D-0765/5D0765	Cái	10	460.000	4.600.000
250	Van điều áp máy nén khí 4N-9680	Cái	5	2.250.000	11.250.000
251	Phốt bu ly tăng dây cu doa 5M9735	Cái	5	250.000	1.250.000
252	Cảm biến áp suất phanh trước 1850600	Cái	1	19.100.000	19.100.000
253	Két làm mát dầu số 1041817	Cái	1	103.695.000	103.695.000
254	Bơm tay phin lọc dầu 137-5541	Cái	1	4.200.000	4.200.000
255	Cảm biến áp suất bơm 194-6722	Cái	2	4.878.000	9.756.000
256	Phốt quả dứa 105-1331/1051331	Cái	2	6.900.000	13.800.000
257	Gioăng lắp hộp số 4D-0449/4D0449	Cái	2	295.000	590.000
258	Ca bi ngoài vòng bi gối đỡ vi sai bé 4F2041	Cái	2	5.500.000	11.000.000
259	Gioăng cụm giảm tốc 4H-6730/4H6730	Cái	3	335.000	1.005.000
260	Gioăng nắp may ơ giảm tốc 4S-5924	Cái	3	310.000	930.000
261	Phốt đuôi hộp số 142-8075/1428075	Cái	2	998.000	1.996.000
262	Pit tông phanh trước 114-9306	Cái	3	1.616.000	4.848.000
263	Gioăng phốt cụm van phanh 1345986	Bộ	2	9.701.000	19.402.000
264	Tay mở van phanh trước 1424001	Cái	2	1.916.000	3.832.000
265	Măng xéc lái 4J-9224/4J9224	Cái	2	88.000	176.000
266	Xéc măng piston lái 4T-8054/4T8054	Cái	2	1.190.000	2.380.000
267	Phốt xi lanh ben 4T-8695/4T8695	Cái	4	382.000	1.528.000
268	Bơm lái 219-1964/2191964	Cụm	1	125.000.000	125.000.000
269	Mô tơ quạt dàn lạnh 174-1489	Cái	2	9.950.000	19.900.000
270	Giảm sóc ghé lái 370-8065	Cái	2	11.700.000	23.400.000
271	Gioăng giảm sóc trước 07000-15145/K07000-15145	Cái	4	176.800	707.200

272	Két nước 65115-1301010	Cái	1	22.000.000	22.000.000	
273	Căn vệ tinh vi sai cầu 5320-2403058	Cái	8	250.000	2.000.000	
274	Bánh răng cầu Z31 6520-2502110	Cái	2	7.900.000	15.800.000	
275	Căn hành tinh vi sai cầu 5320-2403051	Cái	8	450.000	3.600.000	
276	Bánh răng hành tinh vi sai cầu 53205-2403050	Cái	4	2.900.000	11.600.000	
277	Trục chữ thập vi sai cầu 5320-2403060	Cái	3	1.900.000	5.700.000	
278	Bánh răng trục quả dứa cầu giữa 6520-2502120	Cái	3	6.500.000	19.500.000	
279	Trục chữ thập vi sai cầu 6520-2506060	Cái	3	1.900.000	5.700.000	
280	Bánh răng vệ tinh vi sai cầu 6520-2506054	Cái	6	690.000	4.140.000	
281	Vành răng + bánh đà động cơ 740.50-1005115-10/14A-36881	Bộ	2	18.500.000	37.000.000	
282	Trục ốc guốc phanh 6520-3501153	Cái	6	150.000	900.000	
283	Bạc ốc guốc phanh 2233-3501118	Cái	6	100.000	600.000	
284	Ắc đóng mở gầu Φ80x250	Cái	6	1.600.000	9.600.000	
285	Ắc đóng mở gầu Φ85x270	Cái	6	1.800.000	10.800.000	
286	Bạc đóng mở gầu 100x85x95	Cái	8	800.000	6.400.000	
287	Bạc đóng mở gầu 80x90x95	Cái	8	800.000	6.400.000	
288	Trục bánh răng giảm tốc HD465 (569-22-72511)	Cái	6	1.500.000	9.000.000	
289	Bình dầu nhiên liệu Kamaz 6520 (loại 350L) (1200x650x530)	Cái	1	15.000.000	15.000.000	
290	Bi chữ thập các đăng Φ30x88	Cụm	5	300.000	1.500.000	
291	Mặt bích cát đăng cầu sau 6520-2502036/31120010070	Cái	4	4.200.000	16.800.000	
292	Kích ca bin 45104-5004250/50033162070	Cái	4	2.872.000	11.488.000	
293	Xi lanh nâng ca bin 453198237	Cái	4	4.953.000	19.812.000	
294	Bầu lọc phon xả 4324101040/35110033140	Cái	2	3.800.000	7.600.000	
295	Tổng côn dưới 9700511760/RL1608PA05	Cái	3	2.972.000	8.916.000	
296	Bầu phanh lốc kê 20 100.3519100-10/35306602850	Cái	3	2.415.000	7.245.000	
297	Bầu phanh lốc kê 30 253519301/35300106460	Cái	3	2.674.000	8.022.000	
298	Vi lét tăng phanh sau 5320-3502237/64935011016	Cái	6	1.800.000	10.800.000	
299	Vi lét tăng phanh sau 5320-3502136/64835011016	Cái	6	1.800.000	10.800.000	
300	Tăng áp LH 12749880003/11184200050	Cái	2	12.000.000	24.000.000	
301	Tăng áp RH 740.60-1118012/11180370010	Cái	2	12.000.000	24.000.000	
302	Chổi gạt mưa 569-54-83240	Cái	10	750.000	7.500.000	

303	Bạc cầu cân bằng 6520-2918074-01	Cái	20	700.000	14.000.000	
304	Bi chao 707- 46-14010	Cái	4	25.000.000	100.000.000	
305	Vòng bi rulip 569-13-52160	Vòng	3	60.120.000	180.360.000	
306	Phốt chặn bụi 569-50-81511	Cái	5	8.250.000	41.250.000	
307	Van nạp 566-50-11320	Cái	4	1.485.000	5.940.000	
308	Đệm 566-50-11350	Cái	15	33.000	495.000	
309	Kim van giảm xóc 281-50-11721	Cái	10	236.500	2.365.000	
310	Trục 561-01-71140	Cái	6	5.280.000	31.680.000	
311	Mặt xích 569-01-62720	Cái	5	6.820.000	34.100.000	
312	Gioăng 07000-55260	Cái	10	550.000	5.500.000	
313	Phốt chắn mỡ 569-27-79910	Cái	10	5.500.000	55.000.000	
314	Bộ kit phốt lồng moay σ 569-27-05010	Bộ	5	7.480.000	37.400.000	
315	Cảm biến khí thải 6215-11-8281	Cái	3	3.300.000	9.900.000	
316	Công tắc áp suất lái khẩn cấp 08088-50000	Cái	2	3.300.000	6.600.000	
317	Còi lùi 08164-B0000	Cái	6	2.767.642	16.605.852	
318	Vòng bi moay σ trước ngoài 569-27-61912/32032-X-XL/32032-X	Vòng	15	7.900.000	118.500.000	
319	Vòng bi moay σ trước trong 569-27-71960/32036-X-XL/32036-X	Vòng	15	11.500.000	172.500.000	
320	Vòng bi moay σ sau ngoài 06000-32052/32052-X-XL/32052-X	Vòng	12	35.500.000	426.000.000	
321	Vòng bi moay σ sau trong 06000-32056/32056-X-XL/32056-X	Vòng	12	43.000.000	516.000.000	
322	Vòng bi đỡ trục quả dứa to CAT773 6B-4852/AK898	Vòng	5	9.800.000	49.000.000	
323	Ca bi đỡ trục quả dứa to CAT773 5M-6592/AK892	Cái	5	1.950.000	9.750.000	
324	Vòng bi đỡ trục quả dứa nhỏ CAT773 3D-1101/K77375	Vòng	5	4.800.000	24.000.000	
325	Ca bi đỡ trục quả dứa nhỏ CAT773 3D-1100/K77675	Cái	5	1.690.000	8.450.000	
326	Vòng bi moay σ trước 1B-6577/K99600	Vòng	2	16.000.000	32.000.000	
327	Ca bi moay σ trước 2J-2152/K99100	Cái	2	12.950.000	25.900.000	
328	Vòng bi moay σ trước 7S-1874/K74525	Vòng	2	7.050.000	14.100.000	
329	Ca bi moay σ trước 1M-6573/K74850	Cái	2	2.200.000	4.400.000	
330	Gioăng tròn moay σ trước 2M-0340	Cái	5	250.000	1.250.000	
331	Gioăng tròn moay σ trước 8F-8733	Cái	5	220.000	1.100.000	
332	Bi chao piston ben đầu trên CAT773 237-4156	Vòng	6	2.150.000	12.900.000	
333	Bi chao giăng pông CAT773 6J-1144	Vòng	5	4.700.000	23.500.000	

334	Vòng bi moay ơ sau ngoài 4D-4324/M348449	Vòng	5	14.500.000	72.500.000	
335	Ca vòng bi moay ơ sau ngoài 4D-4325/M348410	Cái	5	6.000.000	30.000.000	
336	Vòng bi moay ơ sau trong 5P-0505/M252337	Vòng	5	21.300.000	106.500.000	
337	Ca vòng bi moay ơ sau trong 9D-0994/M252310	Cái	5	8.800.000	44.000.000	
338	Máy phát điện 90A 600-861-9122	Cái	3	22.450.000	67.350.000	
339	Cao su giảm chấn ca bin 569-54-82371/569-54-82372	Cụm	4	21.500.000	86.000.000	
340	Đệm thép 225-3101	Cối	5	1.500.000	7.500.000	
341	Lõi tăng áp 202-4081	Cái	1	53.972.000	53.972.000	
342	Sên xả tăng áp 148-9104	Cái	1	21.500.000	21.500.000	
343	Bánh răng hành tinh 7G-3462	Cái	6	5.500.000	33.000.000	
344	Lá thép 1T-1315/FM3462MP	Cài	5	2.500.000	12.500.000	
345	Đề khởi động 338-3454	Cái	2	33.472.000	66.944.000	
346	Quai nhê cổ xả 189-3620	Cái	10	780.000	7.800.000	
347	Vành khăn 24.00R35 - KOM 569-30-73531	Cái	2	45.000.000	90.000.000	
348	Vành nôm la răng 24.00R35 - KOM 569-30-73520	Cái	2	40.000.000	80.000.000	
349	Vành khóa la răng 24.00R35 - KOM 569-30-73540	Cái	5	6.800.000	34.000.000	
350	Vành khăn 24.00R35 - CAT 3D-2945	Cái	2	17.500.000	35.000.000	
351	Vành nôm la răng 24.00R35 - CAT 8X-3273	Cái	2	28.500.000	57.000.000	
352	Vành khóa la răng 24.00R35 - CAT 6G-1731	Cái	3	5.000.000	15.000.000	
353	Ăc bánh răng hành tinh 8X-5699	Cái	6	6.600.000	39.600.000	
354	Ăc bánh răng hành tinh 75-8631	Cái	6	2.100.000	12.600.000	
	Tổng cộng trước thuế GTGT:				8.385.965.552	
	Thuế VAT (8%)				670.877.244	
	Tổng cộng sau thuế GTGT:				9.056.842.796	

Phụ lục

BẢNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số ~~144~~ /QĐ-CTCP397 ngày ~~16~~ tháng 01 năm 2026 của Công ty cổ phần 397)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tuỳ chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt nội dung công việc										
1	Công ty cổ phần 397	Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026 (GT10)	Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026	9.056.842.796 đồng	Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần 397	Chào hàng cạnh tranh	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	30 ngày	Tháng 01 năm 2026	Theo đơn giá cố định	323 ngày	Không	Không

Bảng chữ: Chính tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm chín sáu đồng./.